

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 80/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2017 giữa:

* Nguyên đơn: Anh Nông Văn B – sinh năm 1985. Trú tại: Thôn D, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

* Bị đơn: Chị Lương Thị A – sinh năm 1988. Trú tại: Thôn P, xã Ng, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Nông Văn B và chị Lương Thị A.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nông Văn B và chị Lương Thị A thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Anh Nông Văn B và chị Lương Thị A có 01 người con chung tên là Nông Quốc V – sinh ngày 29/11/2011. Khi ly hôn, anh B và chị A thỏa thuận, thống nhất giao con chung cho anh Nông Văn B trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc con chung và không yêu cầu chị A về nghĩa vụ cấp dưỡng.

Chị A có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không có, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

- **Về các đồ dùng sinh hoạt khác:** Không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

- **Về án phí:** Anh Nông Văn B phải chịu 75.000^d án phí hôn nhân sơ thẩm; Chị Lương Thị A phải chịu 75.000^d án phí hôn nhân sơ thẩm. Ghi nhận việc anh Nông Văn B tự nguyện chịu toàn bộ án phí vụ kiện ly hôn với số tiền là 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Nông Văn B đã nộp theo biên lai số 05904 ngày 28/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Anh Nông Văn B được hoàn lại 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí đã nộp.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh + BBGN 1;
- VKSND huyện C 1;
- THADS H. C 1;
- UBND xã Ng
- (Nơi đăng ký kết hôn) 1 ;
- Các đương sự 2;
- Lưu HS, VT 2

THẨM PHÁN

Hiến Công Hanh